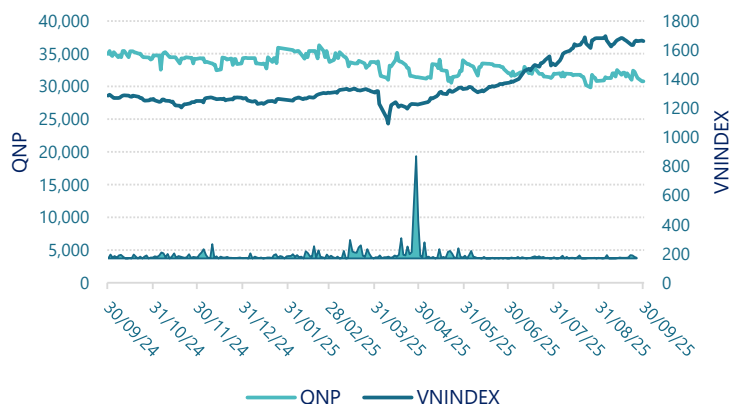


CTCP Cảng Quy Nhơn (HSX: QNP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	30,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,295
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,850
SL cổ phiếu LH	40,409,950
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,415
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,245
P/E	9.7
EPS	3,164

DT thuần

Q3/25

303

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 23.0 | 8.1%

YoY: ▲ 8.00 | 2.6%

LN sau thuế

Q3/25

35.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 4.30 | -10.9%

YoY: ▲ 9.70 | 38.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

16.0%

+/- YoY: ▲ 3.2%

DT thuần

9T 2025

834

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 68.0 | -7.6%

LN sau thuế

9T 2025

100

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 1.00 | -0.4%

ROE

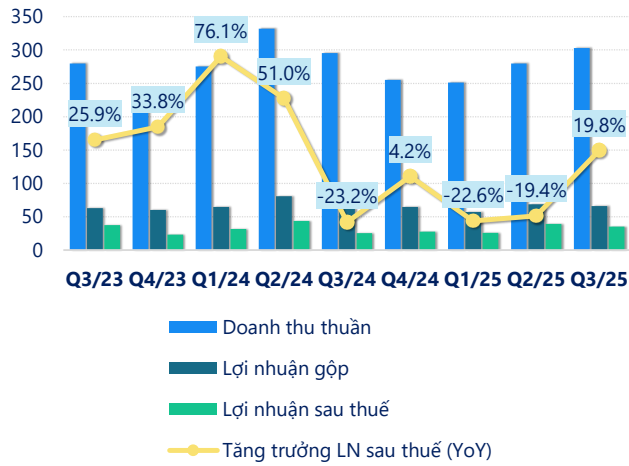
Q3/25

14.7%

+/- YoY: ▲ 0.1%

tỷ VNĐ

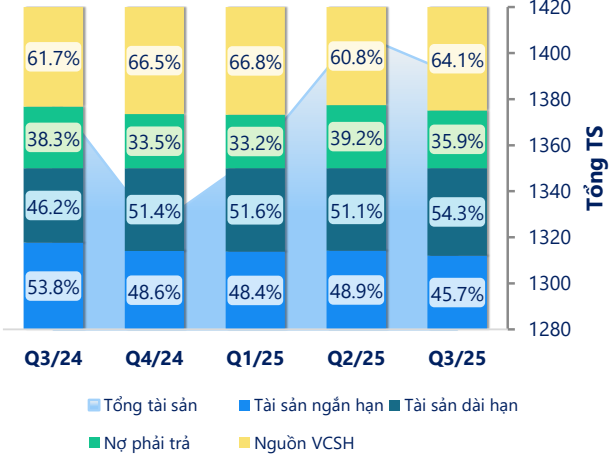
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

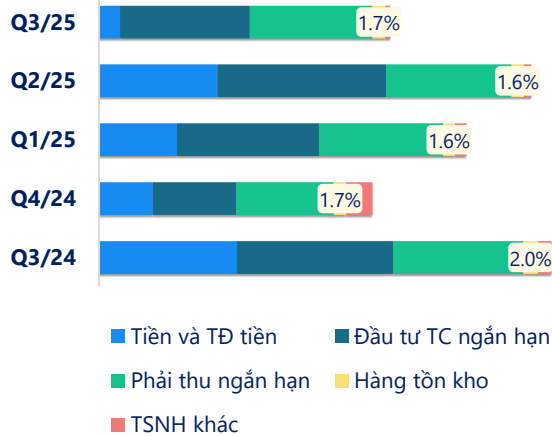
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



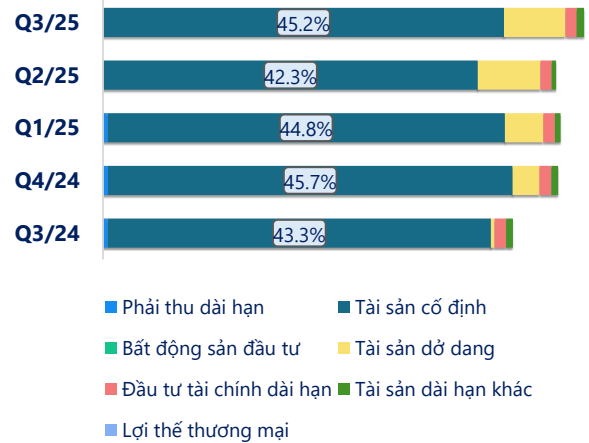
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

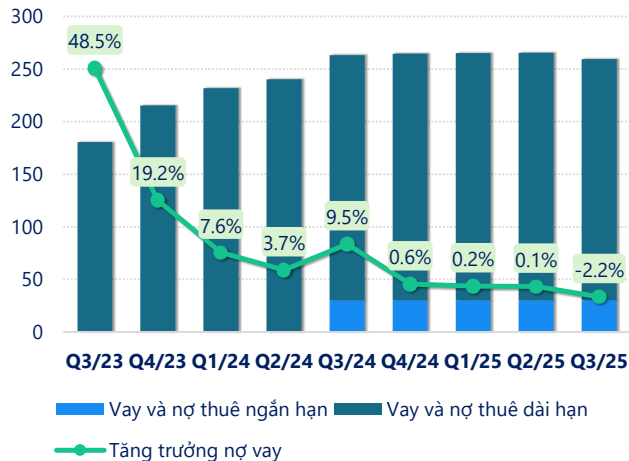
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

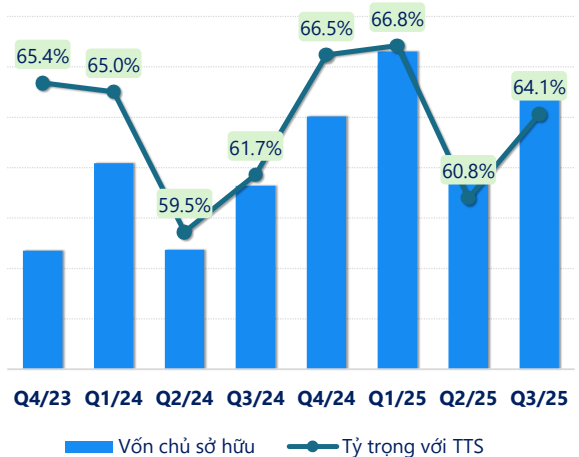
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

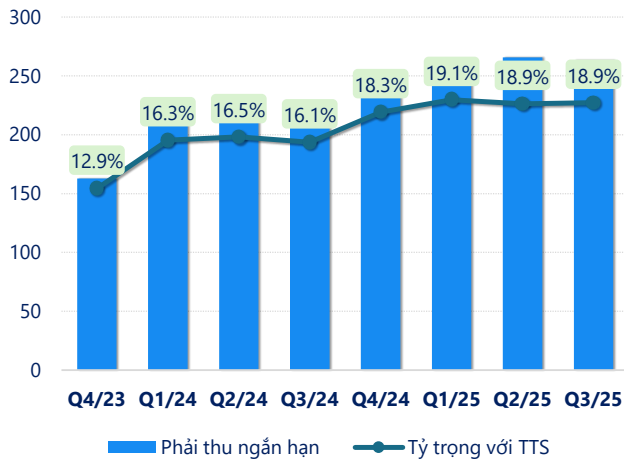
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



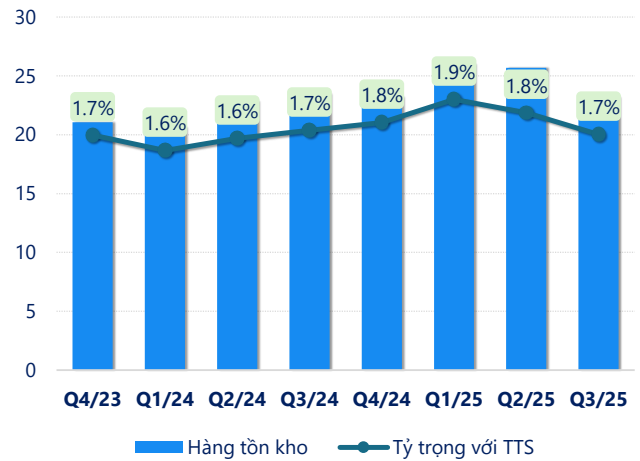
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


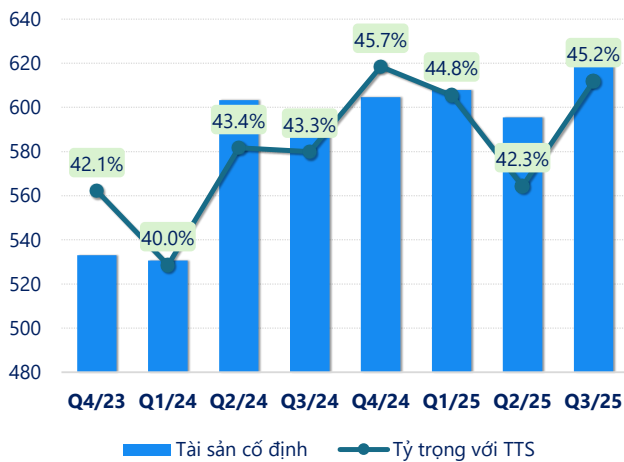
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


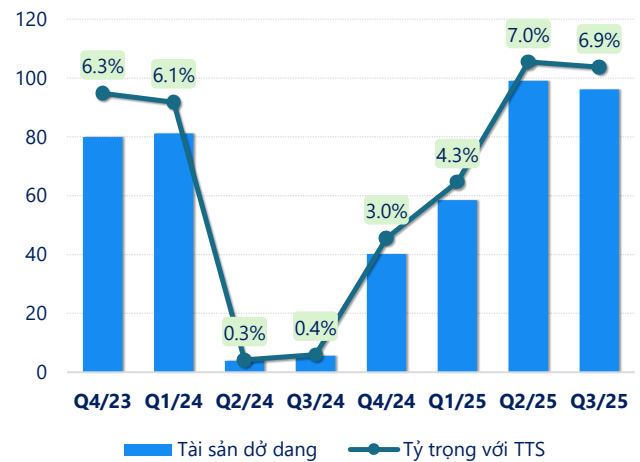
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

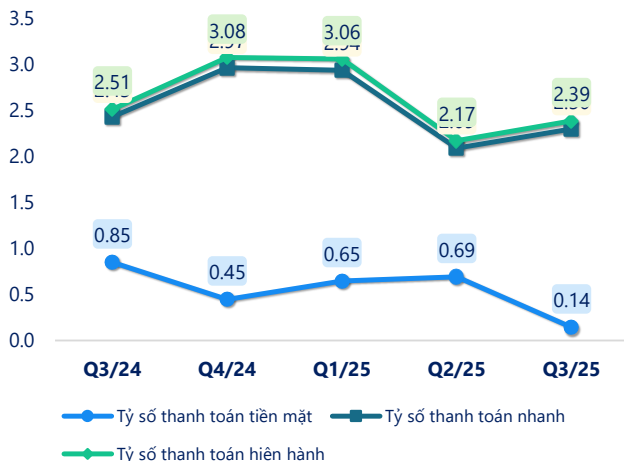
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

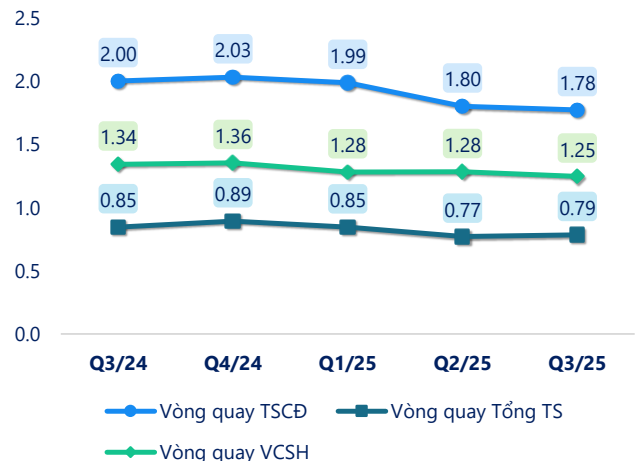
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,381	1,324	1,355	1,409	1,390
Tài sản ngắn hạn	743	644	656	689	636
Tiền và tương đương tiền	251	93.7	139	219	38.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	236	268	220	170	307
Phải thu ngắn hạn	223	242	259	266	263
Hàng tồn kho	23.4	23.2	26.0	25.7	23.2
Tài sản ngắn hạn khác	9.19	17.2	11.0	7.43	3.59
Tài sản dài hạn	639	680	700	720	755
Phải thu dài hạn	7.35	7.35	6.97	0.38	0.00
Tài sản cố định	597	605	608	595	629
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	5.54	40.2	58.5	99.1	96.1
Đầu tư tài chính dài hạn	18.0	18.0	18.0	18.0	18.0
Tài sản dài hạn khác	10.4	10.1	8.63	7.17	11.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	529	444	449	552	499
Nợ ngắn hạn	296	209	214	317	266
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30.0	30.0	30.0	30.0	30.0
Phải trả người bán ngắn hạn	134	93.0	112	115	101
Nợ dài hạn	233	235	235	235	232
Vay và nợ thuê dài hạn	233	235	235	235	229
Nguồn vốn chủ sở hữu	853	880	906	856	891
Vốn chủ sở hữu	853	880	906	856	891
Vốn điều lệ	404	404	404	404	404
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)